

MÔN TOÁN

PHẦN I. TÓM TẮT NỘI DUNG KIẾN THỨC

A. Thống kê và xác suất

Chương VI. Một số yếu tố thống kê và xác suất

- Thu thập và phân loại dữ liệu.
- Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.
- Phân tích và xử lý dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.
- Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản.
- Xác suất thực nghiệm của một biến cố trong một số trò chơi đơn giản.
- cách giải phương trình bậc nhất.
- Ứng dụng phương trình bậc nhất.

B. Hình học

Chương IX. Tam giác đồng dạng. Hình đồng dạng

- Định lí Thalès và ứng dụng trong tam giác.
- Đường trung bình của tam giác.
- Tính chất đường phân giác của tam giác.
- Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác.
- Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông.

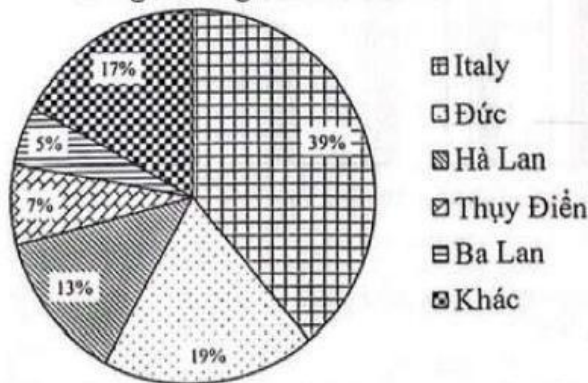
PHẦN II. MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP THAM KHẢO

A. Bài tập trắc nghiệm

Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Quan sát biểu đồ sau:

Tỉ lệ phần trăm sản lượng gạo của Việt Nam
xuất khẩu sang các nước liên minh Châu Âu
trong 6 tháng đầu năm 2022



Sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang Italy gấp mấy lần sản lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang Ba Lan?

- A. 7,8 lần. B. 7 lần. C. 8,7 lần. D. 8 lần.

Câu 2. Quan sát biểu đồ sau:

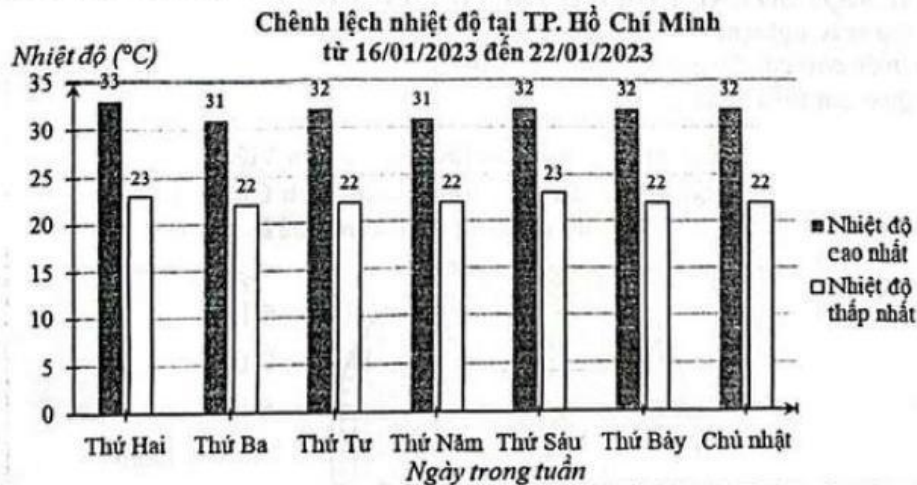


(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong giai đoạn 2017 – 2019:

- A. Số doanh nghiệp thành lập mới và giải thể đều giảm.
- B. Số doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh hơn số doanh nghiệp giải thể.
- C. Số doanh nghiệp giải thể tăng nhanh hơn số doanh nghiệp thành lập mới.
- D. Số doanh nghiệp thành lập mới giảm, số doanh nghiệp giải thể tăng.

Câu 3. Quan sát biểu đồ sau:



(Nguồn: Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia)

Ngày nào sau đây chênh lệch giữa nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất trong tuần của TP. Hồ Chí Minh là 9°C ?

- A. Thứ Năm.
- B. Thứ Bảy.
- C. Chủ nhật.
- D. Thứ Hai.

Câu 4. Biểu đồ dưới đây thể hiện số sách trong thư viện của một lớp.

Môn học	Số sách
Toán	
Ngữ văn	
Tin học	

Lịch sử và Địa lí	 
Khoa học tự nhiên	     
 : 2 quyển sách	

Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Số sách Toán trong thư viện là 7 quyển.
 B. Số sách Ngữ Văn nhiều hơn số sách Tin học là 2 quyển.
 C. Tổng số sách trong thư viện là 21 quyển.
 D. Số sách Khoa học tự nhiên nhiều hơn số sách Lịch sử và Địa lí là 8 quyển.

Sử dụng nội dung sau để trả lời các câu hỏi Câu 9, Câu 10 và Câu 11.

Một hộp chứa 6 tấm thẻ như nhau được đánh số từ 3 đến 8. Rút ngẫu nhiên một tấm thẻ từ hộp.

Câu 5. Có bao nhiêu kết quả có thể?

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 8.

Câu 6. Có bao nhiêu kết quả thuận lợi của biến cố “Rút được tấm thẻ đánh số chẵn”?

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 8.

Câu 7. Có bao nhiêu kết quả thuận lợi của biến cố “Rút được tấm thẻ đánh số chia hết cho 3”?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Sử dụng nội dung sau để trả lời các câu hỏi Câu 12, Câu 13 và Câu 14.

Tổ Cường có 13 bạn, gồm có 8 bạn nam và 5 bạn nữ, trong đó có 3 bạn nam và 1 bạn nữ tham gia vào câu lạc bộ thể thao. Chọn ngẫu nhiên 1 bạn từ tổ.

Câu 8. Xác suất của biến cố “Bạn được chọn có tham gia câu lạc bộ thể thao” là

- A. $\frac{4}{13}$. B. $\frac{5}{13}$. C. $\frac{8}{13}$. D. $\frac{1}{13}$.

Câu 9. Xác suất của biến cố “Bạn được chọn là bạn nữ tham gia vào câu lạc bộ thể thao” là

- A. $\frac{4}{13}$. B. $\frac{5}{13}$. C. $\frac{8}{13}$. D. $\frac{1}{13}$.

Câu 10. Xác suất của biến cố “Bạn được chọn là bạn nam không tham gia câu lạc bộ thể thao” là

- A. $\frac{4}{13}$. B. $\frac{5}{13}$. C. $\frac{8}{13}$. D. $\frac{1}{13}$.

Sử dụng nội dung sau để trả lời các câu hỏi Câu 15 và Câu 16.

Phòng vấn 200 bạn sinh viên về một quyển sách thì có 40 bạn sinh viên thích quyển sách này.

Câu 11. Xác suất thực nghiệm của biến cố “Một bạn sinh viên thích quyển sách” là

- A. 20%. B. 30%. C. 15%. D. 40%.

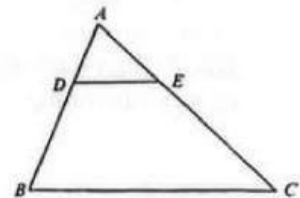
Câu 12. Phòng vấn ngẫu nhiên thêm 60 bạn sinh viên. Dự đoán trong 60 bạn sinh viên được phỏng vấn, số sinh viên thích quyển sách là

- A. 20. B. 12. C. 15. D. 10.

Câu 13. Cho hình bên, trong đó $DE \parallel BC$, $AD = 12$ cm,

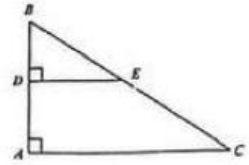
$DB = 18$ cm và $CE = 30$ cm. Độ dài AC là

- A. 20 cm. B. $\frac{18}{25}$ cm. C. 50 cm. D. 45 cm.



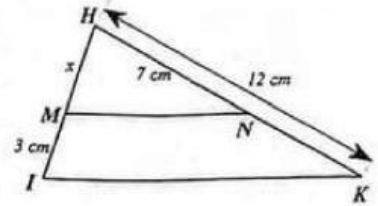
Câu 14. Cho hình bên. Tỷ lệ thức nào sau đây là đúng?

- A. $\frac{BD}{AD} = \frac{BE}{BC}$. B. $\frac{BD}{AD} = \frac{BE}{EC}$. C. $\frac{DE}{AC} = \frac{BC}{BE}$. D. $\frac{AD}{AB} = \frac{BC}{EC}$.



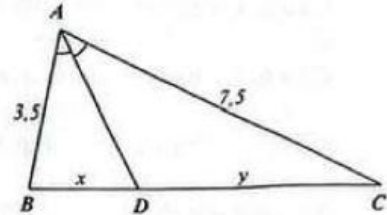
Câu 15. Cho hình bên, biết $MN \parallel IK$. Giá trị của x là

- A. $x = 4,2$ cm. B. $x = 2,5$ cm.
C. $x = 7$ cm. D. $x = 5,25$ cm.



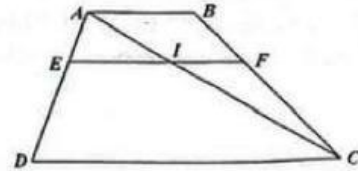
Câu 16. Cho hình bên. Tỷ số $\frac{x}{y}$ bằng

- A. $\frac{7}{15}$. B. $\frac{1}{7}$. C. $\frac{15}{7}$. D. $\frac{1}{15}$.



Câu 18. Cho hình thang $ABCD$ ($AB \parallel CD$) có $BC = 15$ cm. Điểm E thuộc cạnh AD sao cho $\frac{AE}{AD} = \frac{1}{3}$. Đường thẳng $EF \parallel CD$ ($F \in BC$) (hình vẽ). Độ dài BF là

- A. 15 cm. B. 5 cm.
C. 10 cm. D. 7 cm.



Câu 19. Cho $\triangle ABC$, I, K lần lượt là trung điểm của AB và AC . Biết $BC = 8$ cm. Độ dài IK là:

- A. 4 cm. B. 4,5 cm. C. 3,5 cm. D. 14 cm.

B. Bài tập tự luận

1. Một số yếu tố thống kê và xác suất

Dạng 1. Các bài toán về thống

Bài 1. Một cửa hàng quần áo đưa ra chương trình khuyến mãi giảm giá một số mặt hàng sau: Quần âu giảm giá 25%; Áo sơ mi giảm 35%; Áo khoác giảm 20%; Quần Jean giảm 10%.

a) Trong các mặt hàng trên, sản phẩm nào được giảm giá nhiều nhất, ít nhất và với mức giảm giá bao nhiêu phần trăm?

b) Bạn An đã biểu diễn tỷ lệ giảm giá của các mặt hàng trên bằng biểu đồ hình quạt tròn. Biểu đồ An sử dụng có phù hợp không?

c) An nên dùng biểu đồ nào để biểu diễn? Hãy vẽ biểu đồ đó.

Bài 2. Hình dưới đây thể hiện số lượng học sinh tham gia đăng kí hai Câu lạc bộ cầu lông và cờ vua của trường: